

Bản án số:31/2021/DSPT

Ngày 19-01-2021

“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu di dời tài sản trên đất”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà: Nguyễn Thị Thụy Vũ

Các Thẩm phán: Bà: Phạm Thị Duyên

Ông: Dương Tuấn Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà: Hoàng Thị Kim Nhi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 352/2020/TLPT-DS ngày 29 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “Quyền sử dụng đất và yêu cầu di dời tài sản trên đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2335/2020/QĐPT-DS ngày 18 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông Thạch C, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện hợp pháp cho ông Thạch C (theo văn bản ủy quyền ngày 09/11/2017): ông Võ Văn H, sinh năm 1958, địa chỉ: Số 61, Khóm 10, Phường 7, thành phố T, tỉnh T. Có mặt.

2. Bị đơn:

Bà Thạch Thị L, sinh năm 1964;

Địa chỉ: ấp C 1, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Thạch Thị B, sinh năm 1933 (chết 2017);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Thạch Thị B:

1. Ông Huỳnh Đức K, sinh năm 1959;

Địa chỉ: ấp S, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

1. 2. Bà Thạch Thị L, sinh năm 1964;

Địa chỉ: ấp C 1, xã H, huyện C tỉnh Trà Vinh.

1. 3. Ông Thạch T, sinh năm 1967;

Địa chỉ: 7070. Shelly.5 Montreal.Quebec H2A2Y8, Canada.

2. Bà Thạch Thị S, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho bà Thạch Thị S: ông Võ Văn H, sinh năm 1958, địa chỉ: Số 61, Khóm 10, Phường 7, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 09/11/2017).

3. Ông Dương Văn Định, sinh năm 1953; vắng mặt.

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

4. Bà Kim Thị Sa May, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện hợp pháp cho bà Kim Thị Sa M (theo văn bản ủy quyền ngày 09/11/2017): ông Võ Văn H, sinh năm 1958, địa chỉ: Số 61, Khóm 10, Phường 7, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

5. Chị Thạch Thị Ly N, sinh năm 1992;

6. Chị Thạch Thị Trúc L, sinh năm 1996;

Cùng địa chỉ: ấp Chông Nô 1, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho chị Thạch Thị Ly N, chị Thạch Thị Trúc L: Bà Thạch Thị L, sinh năm 1964, Địa chỉ: ấp C 1, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

7. Bà Thạch Thị K (Ki Kek), sinh năm 1937 (chết năm 2018);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Thạch Thị K:

7. 1. Ông Thạch H (Pech Huon), sinh năm 1955; vắng.

Địa chỉ: ấp Prek KoKy, xã P, huyện C, tỉnh S, Campuchia.

8. Ông Thạch O, sinh năm 1970; vắng.

Địa chỉ: ấp T, xã C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở hiện nay: Đường 30/4, Phường 11, hẻm 828, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

9. Ông Trầm Minh S, sinh năm 1970; có mặt.

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

10. Bà Trần Thị Tr, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho bà Trần Thị Tr (theo văn bản ủy quyền ngày 20/6/2014): Ông Trần Minh S, sinh năm 1970, địa chỉ: Khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

4. *Người phiên dịch tiếng Khmer: Ông Thạch H, công tác tại: Bảo tàng Văn hóa tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt.*

5. *Người kháng cáo: Nguyên đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Thạch C và ông Võ Văn H là người đại diện của ông C trình bày: Nguồn gốc đất diện tích 1.382,1m², tọa lạc tại khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc là của cụ Thạch C (chết 1980) và cụ Thạch Thị U (chết 1979), cụ C và cụ U có tất cả 08 người con, đã mất 04 người còn lại gồm: Bà Thạch Thị B, bà Thạch Thị K, bà Thạch Thị S và ông Thạch C (tên thường gọi là Thạch S). Sau khi cha mẹ qua đời ông C là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất và kê khai thời kỳ năm 1983. Đến năm 1986, bà Thạch Thị B và chồng là ông Thạch X đến xin ở chung với ông C tại căn nhà 03 gian trên diện tích đất cha mẹ để lại, năm 1989 do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên vợ chồng ông C đi làm xa. Năm 1991 vợ chồng bà Thạch Thị B kê khai phần đất này. Năm 2001 ông Thạch S (tên gọi khác của ông Thạch C) có đăng ký kê khai. Năm 2000 bà Thạch Thị B chuyển nhượng cho bà Sơn Thị Đ diện tích 298m², cho bà Thạch Thị S diện tích 425,5m², và tặng cho bà Thạch Thị L diện tích 658,5m², thuộc thửa số 40, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại khóm 2, thị trấn T, huyện T, sự việc này các anh em trong gia đình không ai hay biết. Hiện nay bà Thạch Thị L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển nhượng phần đất này cho vợ chồng ông Trần Minh S và bà Trần Thị Tr nhưng chưa làm thủ tục sang tên.

Nay ông Thạch C khởi kiện bà Thạch Thị L yêu cầu trả lại phần đất tranh chấp diện tích 658,5m² (thực đo 682.1m²) thuộc thửa 40, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh cho ông và buộc vợ chồng ông Trần Minh S di dời nhà và các tài sản khác trên đất để trả lại phần đất cho ông quản lý, sử dụng.

Bị đơn bà Thạch Thị L trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông bà ngoại bà là cụ Thạch C và cụ Thạch Thị U để lại cho cha mẹ bà là bà Thạch Thị B và ông Thạch X. Năm 1991, cha bà đã đăng ký kê khai và được cấp giấy vào khoảng năm 2002. Sau đó cha mẹ bà đã chuyển nhượng cho bà Sơn Thị Đ diện tích 298m², cho bà Thạch Thị S diện tích 425,5m² và tặng cho bà diện tích 658.5m², thửa số 40, tờ bản đồ số 4, tọa lạc khóm 2, thị trấn T, huyện T và bà được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2007. Sau đó năm 2009, bà cùng với bà Thạch Thị B chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông Trần Minh S với giá 172.000.000 đồng, bà đã nhận đủ tiền nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng, do đất đang tranh chấp, hiện nay trên

đất tranh chấp còn có con bà là Thạch Thị Ly N có ở trên căn nhà cũ của bà Thạch Thị B ở trước đây khi bà B còn sống. Nay ông Thạch C yêu cầu trả đất cho ông thì bà không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn Đ và bà Thạch Thị S trình bày:

Thửa đất đang tranh chấp, năm 1983 ông Thạch C đứng ra kê khai đăng ký thửa đất 947 diện tích 1.100m². Năm 1986, bà Thạch Thị B và chồng bà B đến xin ở nhờ. Năm 2001 bà S có đứng kê khi đất của Thạch S là tên thường gọi của ông Thạch C. Trong vụ án ông, bà chỉ yêu cầu trả đất cho ông C và không có yêu cầu chia thừa kế, ngoài ra ông, bà không có yêu cầu gì khác.

Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập của ông Trầm Minh S, bà Trần Thị Tr là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Năm 2007, ông nhận chuyển nhượng của bà Sơn Thị Đ phần đất diện tích 298,1m² phần đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2010 ông nhận chuyển nhượng thêm diện tích 658,5m² của bà Thạch Thị L, giá chuyển nhượng là 172.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi hai triệu đồng). Sau khi chuyển nhượng anh đã cất nhà, xây dựng các công trình phụ trên đất để kinh doanh mua bán. Nay ông, bà chỉ yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng giữa ông, bà L là hợp pháp, đối với phần nhà của bà B còn trên đất hiện do chị Ly N (con bà L sử dụng) ông không tranh chấp việc này ông và bà L sẽ tự thỏa thuận với nhau về việc di dời nhà.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Thạch Còn về việc buộc bà Thạch Thị L trả lại phần đất tranh chấp diện tích 658,5m² (thực đo 682.1m²) thuộc thửa số 40, tờ bản đồ số 4, tọa lạc khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh cho ông và buộc vợ chồng ông Trầm Minh S di dời nhà và các tài sản khác trên đất để trả lại phần đất cho ông quản lý, sử dụng.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Trầm Minh S, bà Trần Thị Tr và bà Thạch Thị L tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 658,5m² (thực đo 682.1m²) thuộc thửa số 40, tờ bản đồ số 4, tọa lạc khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh

Các đương sự có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lệ phí sơ thẩm, thi hành án, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 18/6/2019, nguyên đơn ông Thạch Còn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm do đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất và gia đình đã sử dụng ổn định trong thời gian dài.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trầm Minh S xác định đã nhận chuyển nhượng đất từ bị đơn nhưng chỉ làm giấy tay, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm do đã xây dựng công trình trên đất và sử dụng thời gian dài.

Đại diện Viện Kiểm sát nhận định cấp sơ thẩm đã tuân thủ quy định về tố tụng; về nội dung – căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập và kết quả tranh tụng thấy rằng án sơ thẩm đã tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Kháng cáo của nguyên đơn không có tài liệu chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nên không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm đã tuân thủ quy định tố tụng, các chứng cứ đã được thu thập hợp pháp, đầy đủ, đảm bảo các quyền và nghĩa vụ tố tụng của người tham gia tố tụng.

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp được án sơ thẩm xác định là tranh chấp quyền sử dụng đất và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh do có liên quan đến người thừa kế nghĩa vụ tố tụng đang ở nước ngoài là có căn cứ.

Tuy nhiên, đối với các tranh chấp quyền sử dụng đất mà một bên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do có liên quan đến việc xem xét tính hợp pháp của quyết định cấp giấy thì phải đưa Ủy ban nhân dân có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào tham gia tố tụng nhưng án sơ thẩm không thực hiện là có thiếu sót về thủ tục tố tụng trong việc xác định thành phần tham gia tố tụng trong vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của ông Thạch C ông cho rằng diện tích 658,5m² (thực đo 682.1m²) thuộc thửa 40, tờ bản đồ số 4, tọa lạc khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh là của cha mẹ ông là cụ Thạch C (chết 1980) và cụ Thạch Thị U (chết năm 1979) chết để lại. Năm 1983, 2001 ông Thạch C có đăng ký kê khai nên khởi kiện yêu công nhận quyền sử dụng đất cho ông. Ông Thạch C và các con của cụ Thạch Thị U và cụ Thạch C không có yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Thạch Thị U và cụ Thạch C trong vụ án này. Bà Thạch Thị K khi còn sống có về Việt Nam nhưng bà cũng không có yêu cầu trong vụ án, vụ án giải quyết chưa xong nên Tòa án có đưa ông Thạch H (Pech H) sinh sống

tại nước Campuchia, là con bà K tham gia thừa kế nghĩa vụ tố tụng và đã tiến hành Ủy thác tư pháp nhưng ông không có ý kiến. Ông Thạch Th là người thừa kế nghĩa vụ tố tụng của bà Thạch Thị B, thời điểm giải quyết vụ án ông đang ở nước Canada. Tòa án có thông báo cho ông biết vụ kiện trên nhưng ông không có ý kiến. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử vắng mặt ông Thạch H và ông Thạch Th. Nếu ông Thạch H và ông Thạch Th có tranh chấp thừa kế sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Án sơ thẩm nhận định: xét yêu cầu khởi kiện của ông Thạch C yêu cầu bà Thạch Thị L trả lại phần đất tranh chấp diện tích 658,5m² (thực đo 682.1m²) thuộc thửa số 40, tờ bản đồ số 4, tọa lạc khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Buộc vợ chồng ông Trần Minh S di dời nhà và các tài sản khác trên đất để trả lại phần đất trên thấy rằng: diện tích 658,5m² (thực đo 682.1m²) thuộc thửa 40, tờ bản đồ số 4, tọa lạc khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc của cụ Thạch Thị U và cụ Thạch C, sau khi hai cụ chết thì ông Thạch C quản lý, đến năm 1986 thì ông Thạch X và bà Thạch Thị B về ở trên đất này. Ông Thạch C cho rằng năm 1983 ông có đăng ký kê khai thửa 947 diện tích 1.100m², năm 2001 đăng ký kê khai thửa 40 diện tích 1.382,1m². Tuy nhiên theo phiếu cung cấp thông tin số 136/VPĐKĐĐ ngày 15/5/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai thì năm 1983 thửa 947 diện tích 1.100m² là ông Thạch C đăng ký kê khai trong sổ đăng ký ruộng đất 5B. Phiếu cung cấp thông tin (BL 60) do ông C cung cấp thì ông C có tên trong sổ mục kê. Năm 2001 ông Thạch S có tên trong sổ điều tra dã ngoại. Ông Thạch C khai ông có tên gọi khác là Thạch S. Tuy nhiên qua xác minh Trưởng ban nhân dân ấp C, xã P (nay là khóm 2, thị trấn T) thì ông Thạch C không phải tên là Thạch S mà tên gọi là Thạch S. Theo bản tự khai của bà Thạch Thị S (BL 22) thì năm 1983 và năm 2001 bà S đứng tên kê khai đất cho em bà là Thạch S tên gọi hằng ngày.

Theo quy định của Thông tư số 302TT/ĐKTK ngày 28 tháng 10 năm 1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất hướng dẫn thi hành quyết định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyết định số [499/QĐ-ĐC](#) ngày 27 tháng 7 năm 1995 của Tổng cục Địa chính (Bộ Tài nguyên và Môi trường) ban hành quy định mẫu sổ địa chính, sổ mục kê đất, sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sổ theo dõi biến động đất đai và Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30 tháng 11 năm 2001 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Sổ mục kê đất được lập để phục vụ cho Nhà nước nắm đầy đủ ruộng đất và thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai theo quy định của pháp luật đất đai.

Mặc dù ông Thạch C cung cấp chứng cứ là phiếu cung cấp thông tin ngày 24/8/2006 do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp thể hiện năm 1983 và năm 2001 ông Thạch C là chủ sử dụng đất. Tuy nhiên, ông không đưa ra được chứng cứ nào để chứng minh diện tích đất này ông có đăng ký. Trong khi đó, bà Thạch Thị L khai diện tích đất đang tranh chấp là của ông bà ngoại tên Thạch Thị U và Thạch C cho mẹ của bà là bà Thạch Thị B. Năm 1991 cha bà là ông

Thạch X đăng ký kê khai và đã được cấp quyền sử dụng đất cho mẹ của bà có cho bà Thạch Thị S một phần, chuyển nhượng cho bà Sơn Thị Đ một phần, còn lại diện tích 658,5m² năm 2007 cha mẹ bà cho bà và bà đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng ngày 04/12/2007. Qua thẩm tra trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L của Ủy ban nhân dân huyện T là đúng quy định nên bà L được quyền sử dụng và định đoạt đối với thửa đất trên, kể cả việc chuyển nhượng cho vợ chồng ông Trần Minh S và bà Trần Thị T.

Tuy nhiên, hồ sơ thể hiện năm 1983 ông C đã có đăng ký diện tích đất này nhưng đến thời điểm năm 1991 ông Thạch X đăng ký lại vẫn chưa có giấy tờ gì chứng minh cho việc thay đổi về chủ thể đăng ký đối với thửa đất này và không xác định rõ được ông X đăng ký ghi nguồn gốc đất là gì, việc thay đổi chủ thể đăng ký có căn cứ nào không... thì cấp sơ thẩm vẫn chưa làm rõ và do đưa thiếu người tham gia tố tụng là Ủy ban nhân dân có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông X vào tham gia tố tụng mà vẫn kết luận ông Thạch X được cấp giấy chứng nhận hợp pháp là chưa điều tra đầy đủ. Sai sót này cấp phúc thẩm không khắc phục được nên cần hủy án để điều tra xét xử sơ thẩm lại.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Ông Thạch C kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc bà Thạch Thị L trả lại diện tích đất tranh chấp và buộc ông Trần Minh S, bà Trần Thị T di dời nhà và tài sản trên đất để trả đất cho ông. Xét án sơ thẩm đã có vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ để đánh giá chứng cứ và kết luận đối với vụ án nên Hội đồng xét xử chưa xem xét đến nội dung kháng cáo. Ý kiến của Kiểm sát viên là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận. Hội đồng xét xử thống nhất hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cho tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Ông Thạch C không phải chịu án phí phúc thẩm và chưa phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Thạch C, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Ông Thạch C không phải chịu án phí phúc thẩm và chưa phải chịu án phí sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại TpHCM;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HS,VT,(HTKN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy Vũ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Tuấn Vinh

Phạm Thị Duyên

Nguyễn Thị Thụy Vũ